

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 30 tháng 9 năm 2015

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 46

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3700381324 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp vào ngày 8 tháng 8 năm 2001 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác; sản xuất xà gỗ thép, xà gỗ mạ kẽm; sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác; sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại; sản xuất tấm trần PVC; mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng; dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa; xây dựng công nghiệp và dân dụng; sản xuất thép cán nguội dạng cuộn và cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HSG theo Quyết định số 117/QĐ-SGDHCM ngày 5 tháng 11 năm 2008.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 9 Đại lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có một trăm bảy mươi sáu (176) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh thành khác nhau ở Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Phước Vũ	Chủ tịch	
Ông Trần Ngọc Chu	Phó Chủ tịch	
Ông Phạm Gia Tuấn	Thành viên	
Ông Trần Quốc Trí	Thành viên	
Ông Lý Văn Xuân	Thành viên	bổ nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2015
Ông Jean Eric Jacquemin	Thành viên	từ nhiệm ngày 30 tháng 7 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Vũ Nam	Trưởng ban	
Ông Lê Đình Hạnh	Thành viên	
Ông Lý Văn Xuân	Thành viên	từ nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2015

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Ngọc Chu	Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Đức Huy	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Quốc Trí	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Minh Khoa	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hồ Thanh Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phan Duy Quang	Quyền Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2015

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Phước Vũ.

Ông Trần Ngọc Chu được Ông Lê Phước Vũ ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 theo Giấy Ủy quyền số 49/UQ/CT-HĐQT/2013 ngày 11 tháng 11 năm 2013.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty là công ty mẹ có các công ty con và Công ty đang trong quá trình hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.



Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 12 năm 2015



**Building a better
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61183992/17620833-Separate

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty") được lập ngày 24 tháng 12 năm 2015 và được trình bày từ trang 5 đến trang 46, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tuy không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 8 tháng 12 năm 2014.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2223-2013-004-1

Nguyễn Thanh Sang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1541-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 30 tháng 9 năm 2015

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.189.362.855.705	6.494.253.273.944
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	233.828.787.007	138.001.647.603
111	1. Tiền		233.688.787.007	121.301.647.603
112	2. Các khoản tương đương tiền		140.000.000	16.700.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.178.164.656.081	2.049.767.900.951
131	1. Phải thu khách hàng	5	1.657.213.337.129	1.721.171.369.702
132	2. Trả trước cho người bán	6	25.367.450.024	63.663.399.940
135	3. Các khoản phải thu khác	7	498.630.282.005	266.216.185.092
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.046.413.077)	(1.283.053.783)
140	III. Hàng tồn kho	8	2.281.126.058.437	3.710.663.638.443
141	1. Hàng tồn kho		2.293.735.295.317	3.711.696.909.201
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(12.609.236.880)	(1.033.270.758)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		496.243.354.180	595.820.086.947
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	55.062.184.992	49.779.479.489
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		430.850.361.115	541.948.513.679
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	85.557.805
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	10	10.330.808.073	4.006.535.974
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.758.038.912.478	3.597.395.807.319
210	I. Phải thu dài hạn		25.000.000.000	-
218	1. Phải thu dài hạn khác	11	25.000.000.000	-
220	II. Tài sản cố định		2.977.177.327.038	3.006.737.368.454
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	2.597.141.283.226	2.660.458.487.298
222	Nguyên giá		3.959.400.818.348	3.666.617.736.204
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.362.259.535.122)	(1.006.159.248.906)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	99.643.625.564	89.590.148.900
225	Nguyên giá		135.252.035.604	111.830.901.311
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(35.608.410.040)	(22.240.752.411)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	268.045.806.871	205.560.432.449
228	Nguyên giá		286.043.112.706	221.029.378.600
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(17.997.305.835)	(15.468.946.151)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	12.346.611.377	51.128.299.807
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	16	649.628.640.301	513.200.232.017
251	1. Đầu tư vào công ty con	16.1	611.276.000.000	467.276.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	16.2	51.952.178.134	44.456.331.634
258	3. Đầu tư dài hạn khác	16.3	4.367.000.000	8.640.000.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	16.2	(17.966.537.833)	(7.172.099.617)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		106.232.945.139	77.458.206.848
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	64.337.078.607	55.134.596.953
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.3	39.883.316.631	20.311.059.994
268	3. Tài sản dài hạn khác		2.012.549.901	2.012.549.901
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		8.947.401.768.183	10.091.649.081.263


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2015


VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		5.958.058.900.796	7.669.014.734.697
310	I. Nợ ngắn hạn		5.302.767.036.632	6.761.688.243.129
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	18	4.400.210.324.546	4.749.052.198.420
312	2. Phải trả người bán	19	555.161.842.884	1.825.290.959.556
313	3. Người mua trả tiền trước	20	132.056.212.298	58.831.484.853
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	54.523.520.743	33.584.282.621
315	5. Phải trả người lao động		28.300.012.321	31.366.190.372
316	6. Chi phí phải trả	22	81.556.360.439	37.809.893.447
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	23	42.596.139.795	16.505.717.402
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		8.362.623.606	9.247.516.458
330	II. Nợ dài hạn		655.291.864.164	907.326.491.568
334	1. Vay và nợ dài hạn	24	651.348.629.164	902.755.730.318
336	2. Dự phòng trợ cấp thôi việc		3.943.235.000	4.570.761.250
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.989.342.867.387	2.422.634.346.566
410	I. Vốn chủ sở hữu	25.1	2.989.342.867.387	2.422.634.346.566
411	1. Vốn cổ phần		1.007.907.900.000	1.007.907.900.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		487.290.470.363	451.543.290.363
414	3. Cổ phiếu quỹ		(52.113.695.510)	(81.038.848.436)
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		8.525.313.060	8.525.313.060
419	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		6.605.155.369	13.278.012.117
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.531.127.724.105	1.022.418.679.462
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		8.947.401.768.183	10.091.649.081.263

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	3.128.657,09	1.887.802,73
- Euro (EUR)	228,42	226,09
- Đô la Úc (AUD)	306,85	306,85


Trần Công Tiến
Người lập


Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng


Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc



Ngày 24 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	31.133.878.040.825	27.965.738.124.852
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26.1	(36.219.065.104)	(15.606.362.602)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	31.097.658.975.721	27.950.131.762.250
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27	(29.074.021.762.754)	(26.543.957.391.845)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.023.637.212.967	1.406.174.370.405
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	304.851.891.320	189.955.101.097
22	7. Chi phí tài chính	28	(379.883.551.601)	(251.034.907.307)
23	Trong đó: chi phí lãi vay		(180.561.247.510)	(178.732.189.603)
24	8. Chi phí bán hàng		(727.052.217.691)	(602.674.781.415)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(417.829.755.541)	(329.681.909.965)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		803.723.579.454	412.737.872.815
31	11. Thu nhập khác	29	109.991.563.846	140.129.321.530
32	12. Chi phí khác	29	(87.953.216.935)	(76.960.835.550)
40	13. Lợi nhuận khác	29	22.038.346.911	63.168.485.980
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		825.761.926.365	475.906.358.795
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.2	(157.276.390.231)	(91.658.631.969)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	31.3	19.572.256.637	11.862.602.563
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		688.057.792.771	396.110.329.389



Trần Công Tiến
Người lập



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc



Ngày 24 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận trước thuế		825.761.926.365	475.906.358.795
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	12,13,14	373.077.021.625	283.038.111.139
03	Các khoản dự phòng		24.133.763.632	6.949.713.768
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	28	38.895.143.213	8.427.796.677
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(275.290.397.527)	(158.164.478.164)
06	Chi phí lãi vay		206.026.054.089	198.308.677.546
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.192.603.511.397	814.466.179.761
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		163.799.373.505	(495.765.754.652)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		1.417.961.613.884	(1.585.126.810.861)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(1.122.480.272.291)	531.113.193.354
12	Tăng chi phí trả trước		(2.592.658.493)	(2.318.187.593)
13	Tiền lãi vay đã trả		(205.180.180.696)	(197.681.089.060)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	31.2	(148.083.149.484)	(78.836.554.680)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(42.436.850.728)	(44.167.732.291)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		1.253.591.387.094	(1.058.316.756.022)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định		(344.821.955.435)	(1.064.209.108.441)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		71.470.321.057	65.210.566.718
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(151.495.846.500)	(21.000.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.273.000.000	6.360.000.000
27	Tiền lãi đã nhận	26.2	3.792.978.396	1.864.144.549
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(416.781.502.482)	(1.011.774.397.174)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		64.721.580.000	-
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành		(49.247.074)	(3.301.938)
33	Tiền vay nhận được		12.912.074.325.312	12.554.276.636.973
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(13.530.135.977.447)	(10.296.325.989.274)
35	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(33.306.639.607)	(18.039.524.067)
36	Tiền chi trả cổ tức		(144.058.665.375)	(192.498.472.300)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(730.754.624.191)	2.047.409.349.394

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Tăng (giảm) tiền và tương đương tiền thuần trong năm		106.055.260.421	(22.681.803.802)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		138.001.647.603	163.502.687.316
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(10.228.121.017)	(2.819.235.911)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	233.828.787.007	138.001.647.603



Trần Công Tiên
Người lập



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3700381324 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp vào ngày 8 tháng 8 năm 2001 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác; sản xuất xà gỗ thép, xà gỗ mạ kẽm; sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác; sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại; sản xuất tấm trần PVC; mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng; dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa; xây dựng công nghiệp và dân dụng; sản xuất thép cán nguội dạng cuộn và cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HSG theo Quyết định số 117/QĐ-SGDHCM ngày 5 tháng 11 năm 2008.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 9 Đại lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có một trăm bảy mươi sáu (176) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh thành khác nhau ở Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 là 3.966 (30 tháng 9 năm 2014: 3.168).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty là công ty mẹ có các công ty con và Công ty đang trong quá trình hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 và kết thúc vào ngày 30 tháng 9.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VNĐ").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán riêng tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất biến đổi trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị tài sản cho thuê và phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng hữu hạn hoặc vô thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được khấu hao theo thời hạn thuê, trong khi quyền sử dụng đất vô thời hạn thì không khấu hao.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định thuê tài chính và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 40 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	7 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Tài sản khác	5 - 8 năm
Quyền sử dụng đất	14 - 55 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay, bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh ngoại trừ các khoản vay được vốn hóa. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Phần tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm này của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ và quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ và quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê tài sản

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả từng kỳ trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính riêng và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản đầu tư dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản nợ và vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	12.462.200.677	18.919.893.997
Tiền gửi ngân hàng	221.226.586.330	102.381.753.606
Các khoản tương đương tiền	140.000.000	16.700.000.000
TỔNG CỘNG	<u>233.828.787.007</u>	<u>138.001.647.603</u>

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	VNĐ	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 32</i>)	1.214.432.479.886	1.124.726.248.293
Phải thu các bên khác	442.780.857.243	596.445.121.409
TỔNG CỘNG	<u>1.657.213.337.129</u>	<u>1.721.171.369.702</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(2.306.413.077)</u>	<u>(1.283.053.783)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>1.654.906.924.052</u>	<u>1.719.888.315.919</u>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VNĐ	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	(1.283.053.783)	(1.647.820.574)
<i>Cộng:</i> Dự phòng trích lập trong năm	(1.023.359.294)	-
<i>Trừ:</i> Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	-	364.766.791
Số cuối năm	<u>(2.306.413.077)</u>	<u>(1.283.053.783)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên khác	18.908.589.088	59.717.511.940
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	6.458.860.936	3.945.888.000
TỔNG CỘNG	25.367.450.024	63.663.399.940

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	464.880.867.523	253.691.581.754
Phải thu các bên khác	33.749.414.482	12.524.603.338
TỔNG CỘNG	498.630.282.005	266.216.185.092

8. HÀNG TỒN KHO

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thành phẩm	1.209.216.110.982	1.617.607.372.114
Nguyên vật liệu	346.651.367.414	207.712.164.971
Hàng mua đang đi đường	334.139.481.536	1.492.842.901.982
Hàng hóa	211.504.360.904	221.892.689.755
Công cụ, dụng cụ	192.223.974.481	171.641.780.379
TỔNG CỘNG	2.293.735.295.317	3.711.696.909.201
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(12.609.236.880)	(1.033.270.758)
GIÁ TRỊ THUẬN	2.281.126.058.437	3.710.663.638.443

Như được trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã dùng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 là 1.402.715.774.241 VNĐ để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(1.033.270.758)	(890.889.816)
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	(11.575.966.122)	(142.380.942)
Số cuối năm	(12.609.236.880)	(1.033.270.758)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí quảng cáo	24.210.259.090	25.434.658.241
Chi phí công cụ, dụng cụ	10.307.348.223	11.082.237.639
Chi phí thuê nhà xưởng	8.372.683.765	6.061.440.131
Chi phí tư vấn	1.408.729.769	1.602.791.960
Chi phí bảo hiểm	1.310.876.033	679.821.306
Chi phí sửa chữa	1.665.640.996	546.477.585
Khác	7.786.647.116	4.372.052.627
TỔNG CỘNG	55.062.184.992	49.779.479.489

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho nhân viên	6.177.558.073	3.931.443.962
Kỳ quỹ, kỳ cược ngắn hạn	4.153.250.000	75.092.012
TỔNG CỘNG	10.330.808.073	4.006.535.974
Dự phòng tài sản ngắn hạn khác	(740.000.000)	-
GIÁ TRỊ THUẬN	9.590.808.073	4.006.535.974

11. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Số dư phải thu dài hạn khác vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 thể hiện số tiền cho Sở Tài chính Tỉnh Nghệ An mượn, nhằm mục đích chi trả chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng tại Khu Công nghiệp Đông Hội, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Khoản cho mượn này là tín chấp, không chịu lãi suất và sẽ đến hạn vào ngày 25 tháng 6 năm 2018.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						VNĐ
Số đầu năm	604.561.707.949	2.944.158.448.120	87.775.075.027	11.469.809.617	18.652.695.491	3.666.617.736.204
Mua mới trong năm	681.936.012	75.731.510.325	8.382.275.169	904.788.000	168.002.350	85.868.511.856
Đầu tư XDCB hoàn thành	16.417.175.177	116.857.426.429	146.056.141.089	-	-	279.330.742.695
Thanh lý, nhượng bán	-	(72.416.172.407)	-	-	-	(72.416.172.407)
Số cuối năm	621.660.819.138	3.064.331.212.467	242.213.491.285	12.374.597.617	18.820.697.841	3.959.400.818.348
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	657.546.419	106.640.644.448	17.749.446.819	1.170.977.398	179.918.238	126.398.533.322
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	(145.279.994.340)	(815.486.703.367)	(35.731.449.549)	(1.665.562.545)	(7.995.539.105)	(1.006.159.248.906)
Khấu hao trong năm	(35.544.575.884)	(300.139.075.516)	(16.657.828.371)	(2.064.111.809)	(2.775.412.732)	(357.181.004.312)
Thanh lý, nhượng bán	-	1.080.718.096	-	-	-	1.080.718.096
Số cuối năm	(180.824.570.224)	(1.114.545.060.787)	(52.389.277.920)	(3.729.674.354)	(10.770.951.837)	(1.362.259.535.122)
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	459.281.713.609	2.128.671.744.753	52.043.625.478	9.804.247.072	10.657.156.386	2.660.458.487.298
Số cuối năm	440.836.248.914	1.949.786.151.680	189.824.213.365	8.644.923.263	8.049.746.004	2.597.141.283.226

Như được trình bày tại các Thuyết minh số 18 và số 24, Công ty đã dùng nhà xưởng, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 lần lượt là 138.380.847.841 VNĐ, 1.655.268.829.910 VNĐ và 116.756.876.513 VNĐ để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	VNĐ		
	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	101.664.537.676	10.166.363.635	111.830.901.311
Tăng trong năm	13.254.770.658	10.166.363.635	23.421.134.293
Số cuối năm	<u>114.919.308.334</u>	<u>20.332.727.270</u>	<u>135.252.035.604</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	(22.141.910.569)	(98.841.842)	(22.240.752.411)
Khấu hao trong năm	(11.397.631.570)	(1.970.026.059)	(13.367.657.629)
Số cuối năm	<u>(33.539.542.139)</u>	<u>(2.068.867.901)</u>	<u>(35.608.410.040)</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>79.522.627.107</u>	<u>10.067.521.793</u>	<u>89.590.148.900</u>
Số cuối năm	<u>81.379.766.195</u>	<u>18.263.859.369</u>	<u>99.643.625.564</u>

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VNĐ		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	219.684.620.889	1.344.757.711	221.029.378.600
Tăng trong năm	65.013.734.106	-	65.013.734.106
Số cuối năm	<u>284.698.354.995</u>	<u>1.344.757.711</u>	<u>286.043.112.706</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	456.396.144	1.344.757.711	1.801.153.855
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	(14.124.188.440)	(1.344.757.711)	(15.468.946.151)
Hao mòn trong năm	(2.528.359.684)	-	(2.528.359.684)
Số cuối năm	<u>(16.652.548.124)</u>	<u>(1.344.757.711)</u>	<u>(17.997.305.835)</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>205.560.432.449</u>	-	<u>205.560.432.449</u>
Số cuối năm	<u>268.045.806.871</u>	-	<u>268.045.806.871</u>

Như được trình bày tại các Thuyết minh số 18 và số 24, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với giá trị còn lại vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 là 199.822.919.969 VNĐ để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Mua sắm tài sản cố định	6.853.861.204	46.270.410.089
Sửa chữa lớn tài sản cố định	4.036.803.273	2.373.686.871
Chi phí khác	1.455.946.900	2.484.202.847
TỔNG CỘNG	<u>12.346.611.377</u>	<u>51.128.299.807</u>

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào các công ty con (Thuyết minh số 16.1)	611.276.000.000	467.276.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 16.2)	51.952.178.134	44.456.331.634
Đầu tư dài hạn khác (Thuyết minh số 16.3)	4.367.000.000	8.640.000.000
TỔNG CỘNG	<u>667.595.178.134</u>	<u>520.372.331.634</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	<u>(17.966.537.833)</u>	<u>(7.172.099.617)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>649.628.640.301</u>	<u>513.200.232.017</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào các công ty con

Dưới đây là bảng tóm tắt tất cả những khoản đầu tư vào các công ty con vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

Công ty con	Số cuối năm		Số đầu năm		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VNĐ)		
Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen	100	280.000.000.000	100	280.000.000.000	Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép cán nguội
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	100	150.000.000.000	100	150.000.000.000	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nghệ An	100	80.000.000.000	-	-	Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh tấm lợp bằng kim loại
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Bình Định	100	55.000.000.000	100	21.000.000.000	Tỉnh Bình Định, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nam Cẩm Nghệ An	100	30.000.000.000	-	-	Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống thép
Công ty TNHH MTV Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	100	16.276.000.000	100	16.276.000.000	Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và cung cấp dịch vụ vận tải
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Hà Nam	100	-	-	-	Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống thép
TỔNG CỘNG		611.276.000.000		467.276.000.000		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty	Số cuối năm		Số đầu năm		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VNĐ)		
Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng Quốc tế Hoa Sen – Gemadept	45	51.952.178.134	45	44.456.331.634	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Cung cấp các dịch vụ đại lý vận tải biển
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(17.966.537.833)		(7.172.099.617)		
GIÁ TRỊ THUẦN		33.985.640.301		37.284.232.017		

16.3 Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị đầu tư (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	4.367.000.000	3	8.640.000.000	3

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ và phụ tùng thay thế	45.000.996.782	35.442.417.092
Chi phí sửa chữa	12.505.051.016	14.136.510.311
Chi phí thuê nhà xưởng	5.895.995.809	3.597.639.959
Khác	935.035.000	1.958.029.591
TỔNG CỘNG	64.337.078.607	55.134.596.953

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng (i)	4.056.943.675.919	4.545.014.751.312
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 24)	302.800.960.695	162.472.223.600
Nợ dài hạn thuê tài chính đến hạn trả (Thuyết minh số 24)	21.036.343.932	14.146.926.948
Nợ dài hạn khác đến hạn trả (Thuyết minh số 24)	9.969.344.000	16.018.296.560
Vay ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh số 32) (ii)	9.460.000.000	11.400.000.000
TỔNG CỘNG	4.400.210.324.546	4.749.052.198.420

(i) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương				
Vay VNĐ	1.112.257.168.458	Từ ngày 11 tháng 11 năm 2015 đến ngày 28 tháng 2 năm 2016	4,30	Quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị
Vay USD	19.880.237.511	Từ ngày 29 tháng 11 năm 2015 đến ngày 14 tháng 12 năm 2015	1,60	Quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương				
Vay VNĐ	1.039.042.431.699	Từ ngày 12 tháng 10 năm 2015 đến ngày 28 tháng 2 năm 2016	Từ 4,30 đến 4,40	Quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
Vay USD	221.235.957.923	Từ ngày 17 tháng 11 năm 2015 đến ngày 4 tháng 1 năm 2016	Từ 1,55 đến 1,60	Quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Bình Dương				
Vay VNĐ	35.287.334.785	Ngày 12 tháng 2 năm 2016	4,50	Quyền sử dụng đất
Vay USD	47.137.019.580	Ngày 31 tháng 1 năm 2016	1,65	Quyền sử dụng đất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (tiếp theo)

(i) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau (tiếp theo):

Ngân hàng	Số cuối năm (VNĐ)	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hồ Chí Minh				
Vay VNĐ	163.310.313.435	Từ ngày 24 tháng 1 năm 2016 đến ngày 1 tháng 2 năm 2016	4,30	Hàng tồn kho
Vay USD	78.079.847.463	Ngày 7 tháng 11 năm 2015	1,40	Hàng tồn kho
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) – Chi nhánh Hồ Chí Minh				
Vay VNĐ	74.405.100.000	Ngày 25 tháng 12 năm 2015	4,70	Hàng tồn kho và máy móc, thiết bị
Vay USD	84.308.680.464	Ngày 10 tháng 12 năm 2015	1,50	Hàng tồn kho và máy móc, thiết bị
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)				
Vay VNĐ	8.210.000.000	Ngày 2 tháng 10 năm 2015	4,10	Quyền sử dụng đất
Vay USD	164.542.994.571	Từ ngày 25 tháng 10 năm 2015 đến ngày 10 tháng 12 năm 2015	Từ 1,40 đến 1,50	Quyền sử dụng đất
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Hồ Chí Minh				
Vay VNĐ	769.695.120.702	Từ ngày 2 tháng 11 năm 2015 đến ngày 21 tháng 2 năm 2016	4,30	Tín chấp
Vay USD	53.904.505.890	Ngày 20 tháng 11 năm 2015	1,60	Tín chấp
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn – Chi nhánh Sài Gòn				
Vay VNĐ	108.864.000.000	Từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 22 tháng 1 năm 2016	4,10	Tín chấp
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)				
Vay USD	76.782.963.438	Từ ngày 26 tháng 11 năm 2015 đến ngày 9 tháng 12 năm 2015	1,50	Hàng tồn kho, quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị

TỔNG CỘNG **4.056.943.675.919**

Công ty sử dụng các khoản vay ngắn hạn này cho mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (tiếp theo)

(ii) Chi tiết khoản vay ngắn hạn bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Số cuối năm (VNĐ)	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty TNHH MTV Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	<u>9.460.000.000</u>	Ngày 1 tháng 4 năm 2016	6,00	Tín chấp

Công ty sử dụng khoản vay ngắn hạn này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động.

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên khác	482.031.569.234	1.817.764.944.149
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	<u>73.130.273.650</u>	<u>7.526.015.407</u>
TỔNG CỘNG	<u>555.161.842.884</u>	<u>1.825.290.959.556</u>

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước từ các bên khác	130.555.900.033	58.827.634.876
Trả trước từ bên liên quan (Thuyết minh số 32)	<u>1.500.312.265</u>	<u>3.849.977</u>
TỔNG CỘNG	<u>132.056.212.298</u>	<u>58.831.484.853</u>

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 31.2)	39.779.435.531	30.586.194.784
Thuế giá trị gia tăng	13.754.684.828	2.200.406.997
Thuế thu nhập cá nhân	987.443.384	796.784.040
Các loại thuế khác	<u>1.957.000</u>	<u>896.800</u>
TỔNG CỘNG	<u>54.523.520.743</u>	<u>33.584.282.621</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lương tháng 13	48.819.296.000	13.605.575.000
Chi phí điện	11.090.213.768	8.669.896.200
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7.597.518.971	10.317.543.485
Chi phí lãi vay	3.700.752.155	2.854.878.762
Khác	10.348.579.545	2.362.000.000
TỔNG CỘNG	81.556.360.439	37.809.893.447

23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGÂN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu	29.719.800.000	-
Phải trả cổ tức	3.892.652.525	3.481.670.900
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	2.853.893.928	1.703.448.900
Phải trả khác cho bên liên quan (Thuyết minh số 32)	2.233.267.935	74.361.249
Nhận đặt cọc dự thầu	1.490.000.000	3.370.000.330
Các khoản phải trả khác	2.406.525.407	7.876.236.023
TỔNG CỘNG	42.596.139.795	16.505.717.402

24. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng (i)	925.564.507.711	1.013.296.693.623
Nợ dài hạn thuê tài chính (ii)	49.621.426.080	55.326.179.963
Nợ dài hạn khác	9.969.344.000	26.770.303.840
TỔNG CỘNG	985.155.277.791	1.095.393.177.426

Trong đó:

Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 18)	302.800.960.695	162.472.223.600
Nợ dài hạn thuê tài chính đến hạn trả (Thuyết minh số 18)	21.036.343.932	14.146.926.948
Nợ dài hạn khác đến hạn trả (Thuyết minh số 18)	9.969.344.000	16.018.296.560
Vay và nợ dài hạn	651.348.629.164	902.755.730.318

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

(i) Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm (VNĐ)</i>	<i>Kỳ hạn</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương				
Vay VNĐ	89.601.636.695	Từ ngày 16 tháng 11 năm 2015 đến ngày 15 tháng 8 năm 2016	8,50	Quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị
Ngân hàng TMCP Bản Việt				
Vay VNĐ	65.894.660.000	Từ ngày 26 tháng 10 năm 2015 đến ngày 26 tháng 11 năm 2019	Từ 7,60 đến 8,50	Phương tiện vận tải
Ngân hàng TMCP Á Châu				
Vay VNĐ	54.911.590.000	Từ ngày 6 tháng 11 năm 2015 đến ngày 17 tháng 6 năm 2020	Từ 7,80 đến 8,50	Phương tiện vận tải
Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Bình Dương				
Vay VNĐ	561.924.771.861	Từ ngày 16 tháng 11 năm 2015 đến ngày 16 tháng 7 năm 2019	8,50	Quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc
Ngân hàng Phát triển Việt Nam				
Vay USD	48.181.849.155	Từ ngày 20 tháng 12 năm 2015 đến ngày 20 tháng 6 năm 2018	1,70	Nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương				
Vay VNĐ	105.050.000.000	Từ ngày 31 tháng 3 năm 2016 đến ngày 25 tháng 9 năm 2017	8,00	Quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị
TÓNG CỘNG	<u>925.564.507.711</u>			

Công ty sử dụng các khoản vay dài hạn nhằm mục đích xây dựng và mua sắm tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

(ii) Chi tiết các khoản nợ thuế tài chính như sau:

Công ty hiện đang thuế máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải theo các hợp đồng thuế tài chính. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuế phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuế tài chính được trình bày như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính tối thiểu	Lãi thuế tài chính	
Nợ thuế tài chính ngắn hạn					
Dưới 1 năm	24.477.641.416	3.441.297.484	21.036.343.932	3.850.547.709	14.146.926.948
Nợ thuế tài chính dài hạn					
Từ 1-5 năm	31.093.925.619	2.508.843.471	28.585.082.148	6.442.260.339	41.179.253.015
TỔNG CỘNG	55.571.567.035	5.950.140.955	49.621.426.080	10.292.808.048	55.326.179.963

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước							VND
Số đầu năm	1.007.907.900.000	451.543.290.363	(81.035.546.498)	8.525.313.060	2.007.734.351	879.156.291.073	2.268.104.982.349
Lợi nhuận thuần	-	-	-	-	-	396.110.329.389	396.110.329.389
Trong năm	-	-	-	-	-	(192.626.196.000)	(192.626.196.000)
Cổ tức công bố	-	-	(3.301.938)	-	-	-	(3.301.938)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(23.233.584.000)	(23.233.584.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	36.988.161.000	(36.988.161.000)	-
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(25.717.883.234)	-	(25.717.883.234)
Số cuối năm	1.007.907.900.000	451.543.290.363	(81.038.848.436)	8.525.313.060	13.278.012.117	1.022.418.679.462	2.422.634.346.566
Năm nay							
Số đầu năm	1.007.907.900.000	451.543.290.363	(81.038.848.436)	8.525.313.060	13.278.012.117	1.022.418.679.462	2.422.634.346.566
Lợi nhuận thuần	-	-	-	-	-	688.057.792.771	688.057.792.771
Trong năm	-	-	-	-	-	(144.469.647.000)	(144.469.647.000)
Cổ tức công bố	-	-	(49.247.074)	-	-	-	(49.247.074)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Tái phát hành cổ phiếu quỹ (*)	-	35.747.180.000	28.974.400.000	-	-	-	64.721.580.000
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(16.413.694.648)	(16.413.694.648)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	18.465.406.480	(18.465.406.480)	-
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(25.138.263.228)	-	(25.138.263.228)
Số cuối năm	1.007.907.900.000	487.290.470.363	(52.113.695.510)	8.525.313.060	6.605.155.369	1.531.127.724.105	2.989.342.867.387

(*) Trong năm, Công ty đã tái phát hành 1.600.000 cổ phiếu quỹ cho các cổ đông hiện hữu với giá phát hành là 40.500 VNĐ/cổ phiếu, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 36/NQ/HĐQT/2015 ngày 29 tháng 6 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm và số cuối năm	<u>1.007.907.900.000</u>	<u>1.007.907.900.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố	144.469.647.000	192.626.196.000
Cổ tức đã trả bằng tiền	144.058.665.375	192.498.472.300

25.3 Vốn cổ phần

	<u>Số lượng cổ phiếu</u>	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	100.790.790	100.790.790
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	(2.877.692)	(4.477.692)
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	97.913.098	96.313.098

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. DOANH THU

26.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	31.133.878.040.825	27.965.738.124.852
<i>Trong đó:</i>		
Thành phẩm	16.293.231.194.980	14.273.844.186.822
Hàng hóa	14.661.767.800.386	13.577.645.192.570
Hoạt động khác	178.879.045.459	114.248.745.460
Các khoản giảm trừ doanh thu	(36.219.065.104)	(15.606.362.602)
<i>Trong đó:</i>		
Hàng bán bị trả lại	(21.522.581.327)	(12.622.297.775)
Giảm giá hàng bán	(5.924.601.756)	(1.914.216.114)
Chiết khấu thương mại	(8.533.133.954)	(1.069.848.713)
Thuế xuất khẩu	(238.748.067)	-
DOANH THU THUẦN	31.097.658.975.721	27.950.131.762.250

26.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận được chia	273.424.302.385	159.658.835.575
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	27.634.610.539	28.432.120.973
Thu nhập từ đầu tư tài chính	2.104.398.889	1.139.560.000
Thu nhập từ lãi tiền gửi	1.688.579.507	724.584.549
TỔNG CỘNG	304.851.891.320	189.955.101.097

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Thành phẩm	14.508.854.195.691	13.188.447.373.691
Hàng hóa	14.394.939.388.754	13.243.596.865.030
Hoạt động khác	170.228.178.309	111.913.153.124
TỔNG CỘNG	29.074.021.762.754	26.543.957.391.845

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	180.561.247.510	178.732.189.603
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	149.632.722.662	56.702.821.410
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	38.895.143.213	8.427.796.677
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	10.794.438.216	7.172.099.617
TỔNG CỘNG	379.883.551.601	251.034.907.307

29. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	109.991.563.846	140.129.321.530
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	71.470.321.057	65.210.566.718
Thu từ bán phế liệu	23.436.297.537	63.079.616.145
Thu tiền bồi thường	12.362.037.500	6.173.806.778
Thu nhập khác	2.722.907.752	5.665.331.889
Chi phí khác	(87.953.216.935)	(76.960.835.550)
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	(71.335.454.311)	(68.412.910.970)
Chi phí khác	(16.617.762.624)	(8.547.924.580)
LỢI NHUẬN KHÁC	22.038.346.911	63.168.485.980

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	12.937.726.814.892	13.329.512.973.369
Chi phí nhân công	482.362.995.143	368.464.398.879
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 12, 13 và 14)	373.077.021.625	184.537.661.805
Chi phí dịch vụ mua ngoài	884.644.942.196	771.146.234.367
Chi phí khác	578.528.959.461	495.180.000.201
TỔNG CỘNG	15.256.340.733.317	15.148.841.268.621

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 22% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	157.276.375.729	91.648.631.969
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu năm trước	14.502	10.000.000
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	<u>(19.572.256.637)</u>	<u>(11.862.602.563)</u>
TỔNG CỘNG	<u>137.704.133.594</u>	<u>79.796.029.406</u>

31.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	825.761.926.365	475.906.358.795
Các điều chỉnh:		
Lợi nhuận được chia từ các công ty con	(273.424.302.385)	(159.658.835.575)
Chi phí không được trừ	56.088.999.786	61.464.043.283
Thay đổi lợi nhuận chưa thực hiện	32.542.601.776	11.725.557.952
Thay đổi các khoản dự phòng	23.506.237.382	7.353.936.268
Thay đổi chi phí trích trước	46.466.491.506	9.648.510.989
Thay đổi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	6.588.906.387	(950.262.055)
Khác	<u>(2.638.243.869)</u>	<u>(2.638.180.123)</u>
Thu nhập chịu thuế ước tính	<u>714.892.616.948</u>	<u>402.851.129.534</u>
Thuế TNDN phải nộp ước tính	157.276.375.729	91.648.631.969
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu năm trước	14.502	10.000.000
Thuế TNDN phải nộp ước tính	<u>157.276.390.231</u>	<u>91.658.631.969</u>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	30.586.194.784	17.764.117.495
Thuế TNDN đã nộp trong năm	<u>(148.083.149.484)</u>	<u>(78.836.554.680)</u>
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	<u>39.779.435.531</u>	<u>30.586.194.784</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán riêng		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước	
Lợi nhuận chưa thực hiện	14.232.615.587	8.496.504.755	5.736.110.832	5.134.639.979	
Chi phí trích trước	14.379.368.294	5.594.676.992	8.784.691.302	3.621.947.120	
Các khoản dự phòng	6.724.437.558	2.087.453.315	4.636.984.243	1.770.114.516	
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	1.910.474.749	651.962.818	1.258.511.931	162.746.642	
Khác	2.636.420.443	3.480.462.114	(844.041.671)	1.173.154.306	
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	39.883.316.631	20.311.059.994	19.572.256.637	11.862.602.563	
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại					

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen	Công ty con	Mua hàng Bán hàng Cho thuê tài sản Chi phí chi hộ Mua khí đốt	11.234.332.056.248 10.844.160.516.428 166.467.000.000 159.806.750.565 8.672.040.000	11.831.109.338.240 10.993.429.364.000 110.510.200.000 122.719.057.015 8.195.360.000
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	Công ty con	Bán hàng Mua hàng Bán tài sản cố định Hàng bán bị trả lại	3.437.005.655.887 3.222.009.427.842 65.609.370.516 14.279.444.060	3.019.078.642.465 2.251.208.073.031 44.774.872.862 1.045.538.628
Công ty TNHH MTV Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	Công ty con	Chi phí vận chuyển Cho thuê tài sản Hoàn trả vay ngắn hạn Vay ngắn hạn	72.580.671.496 9.925.000.000 1.940.000.000 -	10.852.504.423 84.000.000 1.300.000.000 4.200.000.000
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nam Cẩm Nghệ An	Công ty con	Mua hàng Bán hàng Góp vốn Vay ngắn hạn Hoàn trả vay ngắn hạn Cho vay Thu tiền cho vay	183.215.681.661 114.496.402.408 30.000.000.000 19.500.000.000 19.500.000.000 11.000.000.000 11.000.000.000	- - - - - - -
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Bình Định	Công ty con	Mua hàng Bán hàng Góp vốn Cho vay Thu tiền cho vay	369.443.407.507 295.606.474.461 34.000.000.000 6.000.000.000 6.000.000.000	- 2.173.587.234 21.000.000.000 - -

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
				VND
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nghệ An	Công ty con	Cho vay Góp vốn	100.000.000.000 80.000.000.000	- -
Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Sen	Bên liên quan	Bán hàng Mua hàng Nhận dịch vụ	1.161.329.951.726 184.654.533.072 3.948.581.818	268.778.547.419 3.595.178.458 3.057.072.818
Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng Quốc tế Hoa Sen – Gemadept	Công ty liên kết	Góp vốn	7.495.846.500	-
Quý Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	Bên liên quan	Thu hồi vốn	4.273.000.000	6.360.000.000
DNTN Kinh doanh Bất động sản Hương Sen	Bên liên quan	Trả lại quyền sử dụng đất đã chuyển nhượng	60.000.000.000	-
Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
				VND
Phải thu khách hàng				
Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen	Công ty con	Bán hàng	741.762.003.581	413.269.247.273
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	Công ty con	Bán hàng	390.228.663.563	709.027.555.064
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nam Cẩm Nghệ An	Công ty con	Bán hàng	63.828.794.580	-
Công ty TNHH MTV Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	Công ty con	Bán hàng	10.917.500.000	-
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Bình Định	Công ty con	Bán hàng	7.523.066.192	2.390.945.956
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nghệ An	Công ty con	Bán hàng	172.451.970	-
Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Sen	Bên liên quan	Bán hàng	-	38.500.000
			1.214.432.479.886	1.124.726.248.293

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán				
Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Sen	Bên liên quan	Trả trước	6.458.860.936	3.945.888.000
Phải thu khác				
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	Công ty con	Lợi nhuận được chia	166.481.143.413	46.126.688.336
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nghệ An	Công ty con	Cho vay Chi hộ	100.000.000.000 408.316.578	-
Ông Hoàng Đức Huy	Phó Tổng Giám đốc	Ứng trước tiền mua đất	90.183.227.000	90.183.227.000
Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen	Công ty con	Lợi nhuận được chia Chi hộ	86.686.768.532 864.322.260	111.590.513.050 3.849.519.179
Công ty TNHH MTV Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	Công ty con	Lợi nhuận được chia Chi hộ	11.487.160.126 699.300	1.941.634.189
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Bình Định	Công ty con	Lợi nhuận được chia	8.769.230.314	-
			464.880.867.523	253.691.581.754

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VNĐ
Phải trả người bán					
Công ty TNHH MTV Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	Công ty con	Mua hàng	34.196.348.287	3.405.308.388	
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Bình Định	Công ty con	Mua hàng	27.695.981.378	-	
Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen	Công ty con	Mua hàng	11.100.000.000	4.100.000.000	
Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Sen	Bên liên quan	Mua hàng	137.943.985	20.707.019	
			73.130.273.650	7.526.015.407	
Người mua trả tiền trước					
Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Sen	Bên liên quan	Trả trước	1.500.312.265	3.849.977	
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác					
DNTN Kinh doanh Bất động sản Hương Sen	Bên liên quan	Trả lại tiền mua đất	1.000.000.000	-	
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	Công ty con	Chi hộ	1.194.618.735	22.969.400	
Công ty TNHH MTV Tôn Hoa Sen	Công ty con	Chi hộ	31.799.200	49.291.849	
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nghệ An	Công ty con	Chi hộ	6.850.000	-	
Công ty TNHH MTV Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	Công ty con	Chi hộ	-	2.100.000	
			2.233.267.935	74.361.249	
Vay ngắn hạn					
Công ty TNHH MTV Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	Công ty con	Vay ngắn hạn	9.460.000.000	11.400.000.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Chi tiết lương và thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lương Ban Tổng Giám đốc	8.118.957.415	8.110.590.009
Thưởng Ban Tổng Giám đốc	1.050.000.000	5.540.000.000
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	1.054.000.000	1.145.000.000
Thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	-	10.850.378.000
TỔNG CỘNG	<u>10.222.957.415</u>	<u>25.645.968.009</u>

33. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê đất và nhà xưởng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	34.785.802.868	28.345.347.738
Từ 1 tới 5 năm	102.023.130.333	80.415.983.201
Trên 5 năm	119.122.043.000	98.678.363.000
TỔNG CỘNG	<u>255.930.976.201</u>	<u>207.439.693.939</u>

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê nhà xưởng, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải theo các hợp đồng cho thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	186.136.854.548	165.985.145.460
Từ 1 tới 5 năm	740.241.077.276	655.060.050.000
Trên 5 năm	754.538.300.000	794.889.300.000
TỔNG CỘNG	<u>1.680.916.231.824</u>	<u>1.615.934.495.460</u>

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Tại thời điểm 30 tháng 9 năm 2015, Công ty có khoản cam kết 18.302.951.124 VNĐ (Ngày 30 tháng 9 năm 2014: 61.885.954.624 VNĐ) chủ yếu liên quan đến việc mua sắm các máy móc mới phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền và tương đương tiền phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Trong quá trình hoạt động bình thường của mình, Công ty có thể phải đối mặt với các rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ và rủi ro giá hàng hóa. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền gửi và các khoản vay.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay và nợ có lãi suất thả nổi của Công ty.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay và nợ đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay và nợ với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

		VNĐ
	<i>Tăng/ giảm điểm cơ bản</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</i>
Năm nay		
USD	+50	(15.502.726.948)
VNĐ	+100	(19.864.310.444)
USD	-50	15.502.726.948
VNĐ	-100	19.864.310.444
Năm trước		
USD	+50	(15.876.483.184)
VNĐ	+100	(12.246.596.342)
USD	-50	15.876.483.184
VNĐ	-100	12.246.596.342

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty).

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện vay, mua nguyên liệu và bán hàng hóa bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty như được trình bày trong Thuyết minh số 2.4. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện tại và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Công ty (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả) đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD và EUR. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Công ty là không đáng kể.

	VNĐ		
	<i>Thay đổi tỷ giá USD</i>	<i>Thay đổi tỷ giá EUR</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</i>
Năm nay	+1%	+1%	(6.810.550.451)
	-1%	-1%	6.810.550.451
Năm trước	+1%	+1%	(55.402.070.500)
	-1%	-1%	55.402.070.500

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền, tiền gửi ngân hàng và các khoản vay.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách và thủ tục của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Ngoài ra, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ độc lập trong rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các công cụ tài chính khác

Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng, Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền, và các khoản vay mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Trên 1 năm</i>	<i>VNĐ</i> <i>Tổng cộng</i>
Số cuối năm			
Vay và nợ	4.400.210.324.546	651.348.629.164	5.051.558.953.710
Phải trả người bán	555.161.842.884	-	555.161.842.884
Chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp khác	68.586.657.781	-	68.586.657.781
	5.023.958.825.211	651.348.629.164	5.675.307.454.375
Số đầu năm			
Vay và nợ	4.749.052.198.420	902.755.730.318	5.651.807.928.738
Phải trả người bán	1.825.290.959.556	-	1.825.290.959.556
Chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp khác	35.524.916.049	-	35.524.916.049
	6.609.868.074.025	902.755.730.318	7.512.623.804.343

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình và quyền sử dụng đất để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ ngân hàng (*Thuyết minh số 18 và 24*).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của bên khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty:

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý		VNĐ
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm	
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng			
Tài sản tài chính							
Phải thu khách hàng	442.780.857.243	(2.306.413.077)	596.445.121.409	(1.283.053.783)	440.474.444.166	595.162.067.626	
Phải thu bên liên quan	1.679.313.347.409	-	1.378.417.830.047	-	1.679.313.347.409	1.378.417.830.047	
Phải thu khác	37.902.664.482	-	12.599.695.350	-	37.902.664.482	12.599.695.350	
Tài sản tài chính dài hạn khác	27.012.549.901	-	2.012.549.901	-	27.012.549.901	2.012.549.901	
Đầu tư dài hạn khác	4.367.000.000	-	8.640.000.000	-	4.367.000.000	8.640.000.000	
Tiền và tương đương tiền	233.828.787.007	-	138.001.647.603	-	233.828.787.007	138.001.647.603	
TỔNG CỘNG	2.425.205.206.042	(2.306.413.077)	2.136.116.844.310	(1.283.053.783)	2.422.898.792.965	2.134.833.790.527	
							VNĐ
Nợ phải trả tài chính							
Vay và nợ	5.051.558.953.710		5.651.807.928.738		5.051.558.953.710	5.651.807.928.738	
Phải trả người bán	482.031.569.234		1.817.764.944.149		482.031.569.234	1.817.764.944.149	
Phải trả bên liên quan	75.363.541.585		7.600.376.656		75.363.541.585	7.600.376.656	
Chi phí phải trả và khoản phải trả khác	66.353.389.846		35.450.554.800		66.353.389.846	35.450.554.800	
TỔNG CỘNG	5.675.307.454.375		7.512.623.804.343		5.675.307.454.375	7.512.623.804.343	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn; và
- Giá trị hợp lý của các nợ phải trả tài chính khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính này gần bằng với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

36. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng trên bảng cân đối kế toán riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính riêng của năm nay. Chi tiết như sau:


	Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	VNĐ Số đầu năm (được trình bày lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG			
Các khoản phải thu khác	153.846.626.940	(90.183.227.000)	63.663.399.940
Trả trước cho người bán	176.032.958.092	90.183.227.000	266.216.185.092

37. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 10 tháng 10 năm 2015, Công ty đã hoàn thành việc tái phát hành 2.877.692 cổ phiếu quỹ cho các cổ đông hiện hữu với giá phát hành là 40.500 VNĐ/cổ phiếu theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 36/NQ/HĐQT/2015 ngày 29 tháng 6 năm 2015.

Vào ngày 7 tháng 12 năm 2015, Công ty cũng đã hoàn thành việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu, được trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, với tỷ lệ thực hiện là 10:3 (phát hành 3 cổ phiếu mới cho mỗi 10 cổ phiếu đang được cổ đông nắm giữ), theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/NQ/ĐHĐCĐ/2015 ngày 19 tháng 1 năm 2015 và theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 64/NQ/HĐQT/2015 ngày 16 tháng 10 năm 2015. Theo đó, số cổ phiếu đã được phát hành là 30.236.277, với mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VNĐ.

Ngoài các sự kiện được trình bày ở trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu cần phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng.


Trần Công Tiến
Người lập


Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng


Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 12 năm 2015